TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÀU BÀNG** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 05-11-2019
V/v Ly hôn và tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ái Ngân.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Tuyết Nhung;

Ông Trần Ngọc Đức.

- Thư ký phiên tòa: Ông Kiều Vĩnh Phong - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Giang-Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 120/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2019 về Ly hôn và tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị T, sinh năm 1995; địa chỉ: thôn Đ, xã N, thị xã G, tỉnh Đắk Nông; có mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1993; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: tổ 14, ấp T, xã H, huyện B, tỉnh Bình Dương; hiện đang chấp hành án tại Phân trại số 2, Trại giam X thuộc ấp P, xã S, huyện L, tỉnh Đồng Nai, vắng mặt (có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 26-3-2019, lời trình bày trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Hoàng Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị T và anh H chung sống, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn năm 2015 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện B, tỉnh Bình Dương (Giấy chứng nhận kết hôn số 15/2015, Quyển số 01/2015 ngày 25-02-2015), là hôn nhân tự nguyện. Cuộc sống chung hạnh phúc, đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn do anh H tính tình cọc cằn, hung hãn, không lo làm ăn dẫn đến cải vã, mâu thuẫn kéo dài nên chị T đã ly thân với anh H và về Đăk Nông sinh sống từ năm 2016 cho đến nay. Nhận thấy cuộc

sống chung không còn hạnh phúc, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, tình cảm vợ chồng không còn, chị T yêu cầu được xin ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị T và anh H có 01 con chung là cháu Nguyễn Thế V, sinh ngày 26 tháng 10 năm 2015. Hiện cháu V đang do chị T chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh H hiện đang chấp hành án với mức hình phạt là chung thân tại Trại giam X thuộc ấp P, xã S, huyện L, tỉnh Đồng Nai nên chị T yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị T không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 11 tháng 10 năm 2019, anh H trình bày:

Anh H thống nhất với lời trình bày của chị T về việc chung sống, đăng ký kết hôn.

Về nguyên nhân mâu thuẫn, anh H cho rằng giữa anh H và chị T không có mâu thuẫn gì, tuy nhiên do anh H đang chấp hành án, mức hình phạt là chung thân, thời gian chấp hành án còn dài nên anh H đồng ý ly hôn với chị T.

Về con chung: Anh H thống nhất như lời trình bày của chị T về con chung, đồng ý giao cháu Nguyễn Thế V, sinh ngày 26 tháng 10 năm 2015 cho chị T nuôi dưỡng, anh H không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh H không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Tính đến ngày Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử, vụ án còn trong thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1]Sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Bị đơn anh Nguyễn Văn H vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh H theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Hoàng Thị T khởi kiện anh Nguyễn Văn H về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con; anh H có nơi cư trú tại ấp T, xã H, huyện B, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết

của Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị T và anh H sống chung và có đăng ký kết hôn vào năm 2015 tại Ủy ban nhân dân xã xã H, huyện B, tỉnh Bình Dương nên hôn nhân của chị T và anh H là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Chị T trình bày giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã và đã ly thân từ năm 2016 cho đến nay, chị T về Đắk Nông sinh sống. Anh H không thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn, nhưng do thời gian chấp hành án còn dài nên đồng ý ly hôn với chị T.

Căn cứ vào bản xác minh tại địa phương ngày 08-7-2019, có cơ sở xác định chị T và anh H chung sống không hạnh phúc, chị T đã về Đắk Nông sinh sống từ năm 2016. Ngày 07-5-2017, anh H bị bắt tạm giam (Bản án hình sự sơ thẩm số 16/2018 ngày 18-5-2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương). Xét thấy, vợ chồng phải có nghĩa vụ quan tâm chăm sóc lẫn nhau, việc chị T và anh H là vợ chồng không còn chung sống từ năm 2016, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, không còn cùng chia sẻ, thực hiện các công việc chung trong gia đình như vậy đã vi phạm nghiêm trọng đến quyền, nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Yêu cầu ly hôn của chị T là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Chị T và anh H có 01 con chung là cháu Nguyễn Thế V, sinh ngày 26 tháng 10 năm 2015. Chị T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung. Anh H đồng ý.

Xét thấy, cháu V đang sinh sống ổn định với chị T, anh H đang chấp hành án, không thể nuôi con chung và đồng ý giao con cho chị T. Căn cứ vào quyền, lợi ích hợp pháp về mọi mặt của con chung, Hội đồng xét xử giao cháu Nguyễn Thế V cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng theo khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về tài sản, nợ chung: Chị T và anh H không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Xét ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng và về việc giải quyết vụ án là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 19, khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị T đối với anh Nguyễn Văn H về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

- Về hôn nhân: Chị Hoàng Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

- Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Thế V, sinh ngày 26 tháng 10 năm 2015 cho chị Hoàng Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh H không cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dung việc thăm nom để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì quyền lợi hợp pháp của con, Tòa án có thể thay đổi người nuôi con, giải quyết việc cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị Hoàng Thị T và anh Nguyễn Văn H không tranh chấp nên Tòa án không giải quyết.

2. Về án phí: Chị Hoàng Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0020967 ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bàu Bàng;
- Chi cục Thi hành án DS huyện Bàu Bàng;
- UBND xã Lai Hưng;
- Đương sự;
- Cổng Thông tin điện tử của Tòa án;
- Lưu: hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Ái Ngân